

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2022/DS-PT

Ngày: 09-8-2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Lê Thị Anh Minh**

2. Bà **Lê Thị Mỹ Nhung**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Võ Quỳnh Ngọc** - Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà **Trần Thị Thúy Ái**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/7/2022 và 09/8/2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLPT-DS ngày 17/6/2022, về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9791/2022/QĐXXPT-DS ngày 30/6/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10299/2022/QĐPT-DS ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1- Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 20/42 đường Cô Bắc, Phường 01, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Trường Hải, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số 119B/58/7 đường Nguyễn Thị T, Phường V, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 00462, quyển số 08 – SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng Chu Thành Chương, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 21/8/2020).

2- Bà Phan T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 29/19 đường B, Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Trường Hải, sinh năm 1992 (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 00475, quyền số 08 – SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng Chu Thành Chương, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 24/8/2020).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 385/13A đường Q, Phường G, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn C, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: 416/13B đường H, Phường T, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 006900, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc lập ngày 31/8/2020)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Bà **Phạm T**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 385/13A đường Q, Phường C, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn C, sinh năm 1972 (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 012079, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Dương Thị Cẩm Thủy lập ngày 13/11/2021)

2- Ông N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 29/19 đường T, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê H(có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 00476, quyền số 08 – SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng Chu Thành Chương, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 24/8/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo lời trình bày của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị A:

Bà Nguyễn Thị H làm kế toán tại công ty TNHH Một thành viên Công Nghệ Tin Học Đất Việt (gọi tắt là Công ty Đất Việt) do bà A làm chủ. Bà H biết bà A có nhu cầu mua đất nên Bà H giới thiệu bà A mua một số lô đất nhưng vì tin tưởng Bà H nên bà A chỉ xem các lô đất qua hình ảnh do Bà H cung cấp, rồi nhiều lần chuyển cho Bà H với tổng số tiền 571.000.000 đồng. Tuy nhiên khi bà A yêu cầu công chứng giấy tờ thì Bà H viện nhiều lý do, cuối cùng Bà H thừa nhận không có sự việc mua đất. Sau đó Bà H cùng với mẹ là bà Phạm T có làm giấy xác nhận nợ cho bà A, đồng thời cam kết sẽ trả số tiền còn thiếu làm nhiều đợt. Tổng số tiền bà Ánh đã trả cho Bà H là 100.000.000 đồng.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu Bà H trả lại số tiền còn thiếu là 471.000.000 đồng.

Đồng nguyên đơn Bà Phan T trình bày:

Bà và Bà H quen biết nhau khi làm việc chung tại Công ty. Cuối tháng 11/2019 Bà H nói với bà là Bà H có suất mua dự án City Land Park Hills của Đoàn C40 - Bộ tư lệnh Quân khu 7. Bà H tin tưởng nên đã đưa Bà H số tiền 135.000.000 đồng để đặt cọc. Sau đó Bà H thuyết phục bà mua thêm 2 miếng đất ở xã Phú Hòa Đông, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi và bà đã đưa Bà H số tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc. Tuy nhiên bà H nhiều lần yêu cầu Bà H đưa giấy tờ đất thì Bà H tìm cách thoái thác, trì hoãn.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Bà H trả lại số tiền 235.000.000 đồng.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Ngày 03/9/2020 Bà H có đơn phản tố với nội dung: Bà và bà A là đồng nghiệp làm chung công ty, bà A làm giám đốc, còn bà làm nhân viên. Những lúc khó khăn bà A có vay tiền của bà nhưng không làm hợp đồng vay tiền, không tính lãi. Tổng số tiền bà cho bà A vay là 1.140.000.000 đồng, cụ thể: lần 1 vào ngày 06/11/2019: 150.000.000 đồng; lần 2 (ngày 10/01/2020): 990.000.000 đồng. Bà A có trả lại bà tổng số tiền là 174.720.000 đồng (trả vào các ngày 16, 27 tháng 3 năm 2020). Trừ đi số tiền bà còn thiếu bà A thì bà A còn phải trả lại bà số tiền 664.680.000 đồng. Bà yêu cầu bà A phải trả lại số tiền trên.

Bà H thừa nhận bà H và chồng là ông Nguyễn có chuyển tiền cho bà với tổng số tiền là 235.000.000 đồng để đặt giữ chỗ chung cư và đặt cọc đất để mua bán kiếm lời. Đến tháng 2/2020 ông Nguyễn nói gặp khó khăn nên vay tiền của bà, bà đã nhiều lần chuyển tiền cho ông Nguyễn vay với tổng số tiền là 360.000.000 đồng (chuyển vào các ngày: 24/2/2020: 170.000.000 đồng, ngày 07/3/2020: 80.000.000 đồng, ngày 10/3/2020: 10.000.000 đồng, ngày 16/3/2020: 29.000.000 đồng và 71.000.000 đồng). Các lần chuyển tiền đều có xác nhận từ ông Nguyễn qua điện thoại và chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng. Do việc đặt cọc giữ chỗ chung cư và cọc mua đất không thành nên bà và vợ chồng bà H thống nhất cần trừ nợ, và bà H còn thiếu bà 125.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà H trả lại số tiền này.

Tại Bản án sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Buộc Bà Nguyễn Thị H trả bà A số tiền 420.600.000 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan T.

Buộc Bà Nguyễn Thị H trả bà H số tiền 235.000.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị đơn chậm trả tiền

thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 25/4/2022, bị đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy Bà H yêu cầu phản tố căn cứ vào 02 giấy nộp tiền kiêm bảng kê ngày 06/11/2019 và 10/01/2020, nhưng xét nội dung giấy này không thể hiện việc Bà H cho bà A mượn tiền. Mặc khác, nếu bà A vay tiền Bà H vào cuối năm 2019, thì không thể có việc ngày 04/7/2020 Bà H lại lập giấy xác nhận nợ bà A số tiền 420.600.000 đồng.

Về yêu cầu phản tố đối với bà H, Bà H cho rằng ông Nguyễn có mượn tiền của bà số tiền 360.000.000 đồng, nhưng phía bà H không biết việc này, nhưng Bà H lại yêu cầu bà H phải trả, mà không có yêu cầu đối với ông Nguyễn. Do đó yêu cầu kháng cáo của Bà H không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, nhận thấy Bản án sơ thẩm có nhiều sai sót, đó là: Có nhận định về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà H, nhưng trong phần quyết định của bản án lại không tuyên về nội dung này.

Ngoài ra, việc tính án phí dân sự sơ thẩm đối Bà H cũng có sai sót, nên cần phải sửa lại.

Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Khoản 2 Điều 308; Khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị A

Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Phương Hạnh trả lại số tiền vay là 471.000.000 đồng, có cung cấp chứng cứ là các chứng từ chuyển khoản, giấy xác nhận tiền của Bà H để chứng minh. Chứng cứ này phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ.

Tại Giấy xác nhận và cam kết ngày 23//6/2020 do bà Ánh ký (mẹ ruột của Bà H), thể hiện số nợ là 401.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Giấy xác nhận nợ do Bà H lập ngày 04/7/2020, thì Bà H xác nhận còn nợ bà A số tiền 420.600.000 đồng. Xét Giấy xác nhận ngày 04/7/2020 được chính Bà H ký và lập sau, nên có giá trị ràng buộc. Tại đơn phản tố, bản tự khai, biên bản hòa giải, Bà H đều thừa nhận có nợ bà A số tiền trên. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ bà A tổng số tiền 420.600.000 đồng. Để đảm bảo quyền lợi của bà A, cần buộc bị đơn trả lại cho bà A số tiền này.

- Bà H phản tố cho rằng bà A vay Bà H tổng số tiền 1.140.000.000 đồng cụ thể, lần 1 ngày 06/11/2019 cho bà A vay số tiền 150.000.000 đồng, lần 2 ngày 10/01/2020 cho bà A vay số tiền 990.000.000 đồng. Đồng thời giải thích số tiền 990.000.000 đồng là do ông Phúc mua bán máy vi tính cũ với Bà H, ông Phúc là nhân viên Công ty Hoàng Trần, do ông Phúc thiếu bà một số tiền nên ông Phúc nhờ Công ty Hoàng Trần chuyển trả Bà H.

Xét số tiền 988.043.000 đồng được chuyển bằng tờ Sec Sacombank đề ngày 10/01/2020, trong đó tên đơn vị ký phát là Công ty Hoàng Trần chuyển trả cho Công ty Đất Việt; Bà H cũng không chứng minh được nguồn gốc số tiền này là từ giao dịch giữa cá nhân Bà H với cá nhân ông Phúc (là nhân viên công ty Hoàng Trần).

Trong khi đó, việc Bà H xác nhận số nợ 420.600.000 đồng với bà A ngày 04/7/2020 do chính Bà H ký, là sau ngày bà chuyển khoản cho bà A vay (vào ngày 06/11/2019, ngày 10/01/2020).

Từ đó bản án sơ thẩm xác định Bà H có nợ bà A số tiền 420.600.000 đồng và không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà H là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu của nguyên đơn- Bà Phan T

Bà H thừa nhận số tiền 235.000.000 đồng đã nhận từ bà H, đồng thời có đơn phản tố cho rằng ông Nguyễn (chồng bà H) đã vay lại từ Bà H 360.000.000 đồng (chuyển vào các ngày 24/2/2020 với số tiền là 170.000.000 đồng, ngày 07/3/2020 với số tiền là 80.000.000 đồng, ngày 10/3/2020 với số tiền là 10.000.000 đồng, ngày 16/3/2020 với số tiền là 29.000.000 đồng và 71.000.000 đồng). Như vậy, sau khi trừ 235.000.000 đồng, vợ chồng bà H còn phải trả cho bà 125.000.000 đồng.

Xét thấy ông Nguyễn thừa nhận mượn Bà H số tiền 100.000.000 đồng, và đã trả, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền. Bà H xuất trình sao kê tài khoản ngân hàng Techcombank mang tên Bà H (Sổ phụ kèm phiếu báo nợ/có) thì ngày 16/3/2020 Bà H chuyển khoản cho ông Nguyễn vay số tiền 29.000.000 đồng, và số tiền 71.000.000 đồng, là phù hợp với lời thừa nhận của ông Nguyễn. Ngoài bản sao kê tài khoản ngân hàng, không có chứng cứ nào chứng minh Bà H cho ông Nguyễn vay số tiền 360.000.000 đồng như Bà H đã trình bày.

Xét số tiền 235.000.000 đồng mà bà H yêu cầu Bà H trả lại, là tài sản riêng của bà H, được sự xác nhận của chồng bà H (ông Nguyễn), nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bà H trả cho bà H là đúng pháp luật.

Đối với việc ông Nguyễn vay tiền của Bà H, mặc dù bà H và ông Nguyễn là vợ chồng hợp pháp, nhưng bà H và cả ông Nguyễn đều xác định bà H không biết việc ông Nguyễn vay tiền của Bà H. Hơn nữa tại đơn phản tố, Bà H chỉ kiện và yêu cầu bà H hoàn trả tiền; Bà H không có đơn yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật. Bà H có thể khởi kiện ông Nguyễn để tranh chấp về số tiền mà ông Nguyễn vay mượn.

[3] Trong quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn yêu cầu phản tố của Bà Nguyễn Thị H đối với các nguyên đơn, Bà H đã thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng Tòa án lại không ra Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố của đương sự là có thiếu sót, vi phạm Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy rằng việc thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết, nên chỉ lưu ý rút kinh nghiệm.

[4] Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuy có nhận định xem xét về yêu cầu phản tố của Bà H đối với 02 nguyên đơn, nhưng tại phần Quyết định của bản án, Hội đồng xét xử không tuyên xử là thiếu sót; nhưng xét thấy sự thiếu sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ bổ sung nội dung này mà không cần thiết hủy bản án, Tòa án sơ thẩm nên lưu ý rút kinh nghiệm.

Bản án sơ thẩm cũng có sai sót trong việc tính án phí dân sự sơ thẩm, nên cần phải được sửa lại.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm, về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm là hoàn toàn có cơ sở.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị A phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận 50.400.000 đồng, án phí là 2.520.000 đồng.

- Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận (420.600.000 đồng + 235.000.000 đồng), án phí là 20.824.000 đồng + 11.750.000 đồng = 32.574.000 đồng.

Ngoài ra bị đơn còn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận (664.680.000 đồng + 125.000.000 đồng), án phí là 30.587.200 đồng + 6.250.000 đồng = 36.837.200 đồng.

Như vậy, Bà H phải chịu tổng án phí là 69.411.200 đồng.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 148, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 357, 429, 463; Khoản 1 Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 2 và 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Buộc Bà Nguyễn Thị H trả bà Nguyễn Thị A số tiền 420.600.000 (Bốn trăm hai mươi triệu sáu trăm nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan T.

Buộc Bà Nguyễn Thị H trả Bà Phan T số tiền 235.000.000 (Hai trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Nguyễn Thị H, về việc buộc bà Nguyễn Thị A hoàn trả số tiền 664.680.000 đồng và buộc Bà Phan T hoàn trả số tiền 125.000.000 đồng.

Thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị đơn chậm trả tiền thì bị đơn còn phải trả cho các nguyên đơn khoản tiền lãi đối với số tiền chậm

trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn- bà Nguyễn Thị A phải chịu 2.520.000 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (Năm triệu) đồng mà bà Nguyễn Thị A và Bà Phan T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0026844.

- Bị đơn Bà Nguyễn Thị H phải chịu tổng án phí là 69.411.200 (Sáu mươi chín triệu bốn trăm mười một nghìn hai trăm) đồng. Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 15.293.600 đồng và 6.250.000 đồng, theo các Biên lai thu số AA/2019/0027064 và AA/2019/0027065 cùng ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà H còn phải nộp thêm số tiền 47.867.600 (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn trả lại cho Bà H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0048325 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Tiên

